

Số: /2025/TT-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ
Quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ

Căn cứ Luật thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thống kê;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ, gồm nội dung Chế độ báo cáo thống kê; lập và gửi báo cáo thống kê; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
3. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Nội vụ (sau đây gọi chung là các đơn vị thuộc Bộ);
4. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an không áp dụng Chế độ báo cáo thống kê các lĩnh vực: tổ chức hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và các thông tin, số liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước;
5. Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ

1. Nội dung Chế độ báo cáo

a) Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ quy định danh mục báo cáo, biểu mẫu báo cáo và hướng dẫn, giải thích biểu mẫu báo cáo nhằm thu thập, tổng hợp thông tin thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phân công cho Bộ Nội vụ; Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Nội vụ quy định tại Thông tư số 13/2025/TT-BNV ngày 04/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và tổng hợp các thông tin thống kê khác phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước ngành Nội vụ.

b) Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ bao gồm:

- Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê ngành Nội vụ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

- Hệ thống biểu mẫu báo cáo và giải thích biểu mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

- Báo cáo kết quả thực hiện Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Đối với các chỉ tiêu thống kê ngành Nội vụ đã được quy định tại các văn bản quy phạm khác thì được thực hiện theo văn bản đó.

2. Đơn vị báo cáo

Đơn vị báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu thống kê. Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm báo cáo ghi tên cơ quan, đơn vị vào vị trí này theo phân quyền thực hiện Chế độ báo cáo. Đơn vị báo cáo trực tiếp về Bộ Nội vụ được quy định tại cột 4 Phụ lục I Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê ngành Nội vụ kèm theo Thông tư này.

3. Đơn vị nhận và duyệt báo cáo

Đơn vị nhận và duyệt báo cáo là đơn vị được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của các biểu mẫu, dưới dòng đơn vị báo cáo theo phân quyền thực hiện Chế độ báo cáo. Đơn vị thuộc Bộ Nội vụ nhận, phê duyệt báo cáo được quy định tại cột 5 Phụ lục I Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê ngành Nội vụ kèm theo Thông tư này.

4. Ký hiệu biểu

Ký hiệu biểu gồm hai phần: phần số và phần chữ; phần số gồm 2 phần: 02 số đầu phản ánh nhóm chỉ tiêu, 02 số tiếp theo phản ánh thứ tự báo cáo; phần chữ là chữ in hoa, cụ thể: nhóm chữ đầu cho biết kỳ báo cáo (năm – N, kỳ – K); nhóm chữ tiếp theo là chữ viết tắt của nhóm chỉ tiêu thuộc báo cáo thống kê ngành Nội vụ, hoặc ký tự QG đối với các biểu mẫu thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia. Đối với báo cáo tổng hợp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ Nội vụ, ký hiệu biểu mẫu sẽ bổ sung “TH” ngay sau phần số.

5. Kỳ báo cáo

Kỳ báo cáo thống kê là khoảng thời gian nhất định quy định đối tượng báo cáo thống kê phải thể hiện kết quả hoạt động bằng số liệu theo các tiêu chí thống kê trong biểu mẫu báo cáo thống kê. Kỳ báo cáo được ghi cụ thể dưới tên biểu của từng biểu mẫu thống kê. Kỳ báo cáo thống kê được tính theo ngày dương lịch, bao gồm:

a) Báo cáo thống kê năm: Báo cáo thống kê năm được tính bắt đầu từ ngày 01 tháng đầu tiên của kỳ báo cáo thống kê cho đến ngày cuối cùng của tháng thứ mười hai của kỳ báo cáo thống kê đó. Trong đó:

- Kỳ báo cáo thống kê năm lĩnh vực thi đua, khen thưởng được tính từ ngày 01 tháng 12 năm trước đến ngày 30 tháng 11 năm sau.

- Kỳ báo cáo thống kê năm các lĩnh vực còn lại được tính từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

b) Báo cáo thống kê theo nhiệm kỳ: Báo cáo thống kê nhiệm kỳ được tính bắt đầu từ ngày đầu tiên của nhiệm kỳ báo cáo thống kê cho đến ngày cuối cùng của nhiệm kỳ báo cáo thống kê đó.

c) Báo cáo thống kê đột xuất: Khi phát sinh nhu cầu thông tin đột xuất về quản lý nhà nước, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định việc thực hiện báo cáo thống kê đột xuất để thu thập thông tin phục vụ quản lý, điều hành.

6. Thời hạn báo cáo

Ngày nhận báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên trái của từng biểu mẫu thống kê. Nếu ngày cuối cùng của thời hạn báo cáo trùng với ngày nghỉ lễ, nghỉ tết hoặc ngày nghỉ hàng tuần, thì ngày gửi báo cáo sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày nghỉ lễ, nghỉ tết hoặc ngày nghỉ hàng tuần đó.

7. Phương thức gửi báo cáo

Các đơn vị báo cáo thực hiện theo một trong các phương thức sau:

a) Thực hiện gửi, nhận báo cáo trực tiếp trên Hệ thống thông tin báo cáo thống kê ngành Nội vụ tại địa chỉ <https://thongke.moha.gov.vn>. Báo cáo bằng văn bản điện tử dưới dạng tệp tin điện tử được xác thực bằng ký số của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo tại Báo cáo kết quả thực hiện Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ (theo Phụ lục III).

b) Trường hợp bên gửi hoặc bên nhận chưa đáp ứng yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, an toàn thông tin, hoặc cần chỉnh sửa số liệu đã báo cáo, các đơn vị gửi báo cáo về Bộ Nội vụ bằng văn bản qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

Điều 4. Số liệu báo cáo thống kê

1. Số liệu báo cáo thống kê phải đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hoạt động của lĩnh vực quản lý nhà nước ngành Nội vụ; tổng hợp, phân tích phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ Nội vụ, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sử dụng cho công tác đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách của ngành Nội vụ; đáp ứng yêu cầu trao đổi, cung cấp, phổ biến thông tin thống kê theo quy định của Luật thống kê và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thống kê.

2. Trường hợp chỉnh sửa đối với số liệu đã báo cáo hoặc số liệu trong kỳ báo cáo có sai sót, đơn vị báo cáo phải gửi lại báo cáo theo phương thức nêu tại điểm b khoản 7 Điều 3 Thông tư này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ. Đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các đơn vị báo cáo, đơn vị nhận và duyệt báo cáo thực hiện Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ.

b) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan định kỳ lập, quản lý, lưu trữ, cung cấp và công bố số liệu thống kê theo quy định và chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Chủ trì phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Nội vụ tổng hợp số liệu thống kê trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia giao cho Bộ Nội vụ và số liệu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Nội vụ để trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào công tác thống kê của ngành Nội vụ. Tổ chức cấp quyền truy cập, cập nhập, khai thác dữ liệu, thông tin thống kê trên Hệ thống thông tin báo cáo thống kê ngành Nội vụ cho cá nhân, tổ chức có liên quan; xử lý các vướng mắc liên quan đến việc gửi, nhận báo cáo thống kê.

2. Trách nhiệm các đơn vị báo cáo

a) Các đơn vị báo cáo chấp hành đúng các quy định về báo cáo thống kê quy định tại Thông tư này, gửi đầy đủ, đúng hạn các báo cáo; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác của số liệu báo cáo thống kê quy định tại Thông tư này.

b) Tiếp nhận tài khoản quản trị do Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ Nội vụ bàn giao; tổ chức triển khai tạo lập các tài khoản người dùng, quản lý, giao và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trên địa bàn quản lý sử dụng tài khoản để thực hiện Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ.

3. Trách nhiệm các đơn vị nhận và duyệt báo cáo (các đơn vị thuộc Bộ)

Các đơn vị nhận và duyệt báo cáo chấp hành đúng các quy định về báo cáo thống kê quy định tại Thông tư này, duyệt báo cáo của các cơ quan, đơn vị gửi về Bộ Nội vụ trong vòng 10 ngày tính từ ngày gửi trên Hệ thống thông tin báo cáo thống kê ngành Nội vụ; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác của số liệu báo cáo thống kê quy định tại Thông tư này.

4. Trung tâm Công nghệ thông tin, Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm bảo đảm hạ tầng phục vụ hoạt động thống kê ngành Nội vụ.

5. Các cá nhân, đơn vị được phân quyền khai thác, sử dụng trên Hệ thống thông tin báo cáo thống kê ngành Nội vụ có trách nhiệm tuân thủ các quy định về quản lý tài khoản, mật khẩu truy cập hệ thống, sử dụng số liệu thống kê và bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật.

6. Thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Giám đốc Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Nội vụ và các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ được bố trí trong kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí đầu tư, quản trị, vận hành hạ tầng công nghệ thông tin bảo đảm duy trì hoạt động thống kê ngành Nội vụ được bố trí trong kinh phí chi đầu tư, chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước, công nghệ thông tin và pháp luật khác có liên quan.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2025.

2. Thông tư này áp dụng cho báo cáo thống kê ngành Nội vụ từ niên độ 2025.

3. Thông tư này thay thế Thông tư số 02/2023/TT-BNV ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ và bãi bỏ các quy định sau:

a) Hệ thống biểu mẫu, nội dung biểu mẫu thống kê tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2025/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Lao động – Thương binh và Xã hội, gồm:

- Phụ lục I – Danh mục báo cáo thống kê ngành Lao động – Thương binh và Xã hội: các biểu về Lao động - Việc làm, ký hiệu LĐVL; Người có công, ký hiệu NCC; Bình đẳng giới, ký hiệu BÐG.

- Phụ lục II – Quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Lao động – Thương binh và Xã hội – Phần mẫu biểu: Nội dung biểu mẫu thuộc các lĩnh vực: Lao động - Việc làm; Người có công; Bình đẳng giới.

- Phụ lục III – Quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Lao động – Thương binh và Xã hội – Hướng dẫn cách ghi biểu báo cáo: Nội dung hướng dẫn biểu mẫu thuộc các lĩnh vực: Lao động - Việc làm; Người có công; Bình đẳng giới.

b) Mục II – Báo cáo về lĩnh vực công chức, viên chức, Phụ lục số 2, Thông tư số 07/2021/TT-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định Chế độ báo cáo công tác ngành Nội vụ.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì nội dung dẫn chiếu thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị gửi ý kiến về Bộ Nội vụ để kịp thời có hướng dẫn, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng; các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp (đề đăng tải CSDLQGPL);
- Bộ Tài chính (Cục Thống kê);
- Công báo, Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Công thông tin điện tử Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG

Phạm Thị Thanh Trà